

(Đề thi có 03 trang)

Thời gian làm bài: 90 phút  
(không kể thời gian phát đề)

Họ và tên: ..... Số báo danh: ..... Mã đề 134

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Tập xác định của hàm số  $y = \cot 3x$  là

A.  $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$

B.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{k\pi}{3}, k \in \mathbb{Z} \right\}$

C.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$

D.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ -\frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$

**Câu 2.** Trên đường tròn lượng giác lấy điểm M sao cho  $(OA, OM) = 50^\circ$ . Gọi M' đối xứng với M qua trục tung. Với  $k \in \mathbb{Z}$ , số đo của góc lượng giác  $(OA, OM')$  bằng:

A.  $-50^\circ + k360^\circ$

B.  $230^\circ + k360^\circ$

C.  $50^\circ + k360^\circ$

D.  $130^\circ + k360^\circ$

**Câu 3.** Hàm số nào sau đây là hàm số lẻ?

A.  $y = 5x^2 + 2x$

B.  $y = 4x^3 - 3x$

C.  $y = 5x^3 + 2$

D.  $y = 4x^3 - 3x - 1$

**Câu 4.** Cho  $\sin \alpha = \frac{1}{4}$  với  $\frac{\pi}{2} < \alpha < \pi$ . Khi đó  $\cos \alpha$  bằng:

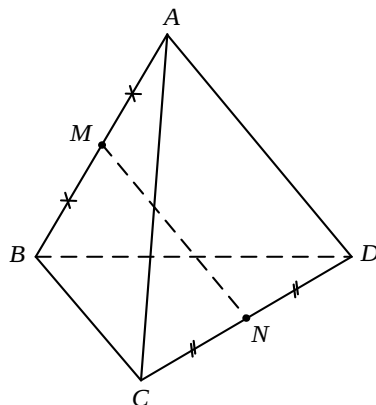
A.  $\frac{\sqrt{15}}{4}$

B.  $\frac{\sqrt{3}}{2}$

C.  $-\frac{\sqrt{3}}{2}$

D.  $-\frac{\sqrt{15}}{4}$

**Câu 5.** Cho tứ diện ABCD, gọi M và N lần lượt là trung điểm các cạnh AB và CD. Gọi G là trọng tâm tam giác BCD. Đường thẳng AG cắt đường thẳng nào trong các đường thẳng dưới đây?



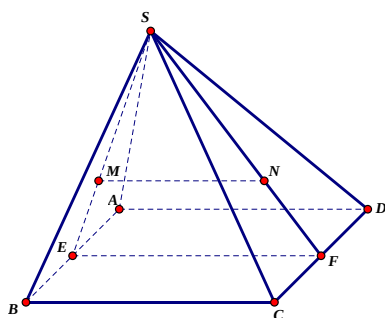
A. Đường thẳng MN.

B. Đường thẳng CD.

C. Đường thẳng DN.

D. Đường thẳng CM.

**Câu 6.** Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình chữ nhật. Gọi M, N theo thứ tự là trọng tâm  $\triangle SAB$ ;  $\triangle SCD$ . Khi đó MN song song với mặt phẳng nào?



A. (SBD).

B. (SAB).

C. (SAC).

D. (ABCD).

**Câu 7.** Một hình chóp có đáy là ngũ giác có số mặt và số cạnh là:

- A. 5 mặt, 10 cạnh.      B. 5 mặt, 5 cạnh.      C. 6 mặt, 10 cạnh.      D. 6 mặt, 5 cạnh.

**Câu 8.** Nếu  $\sin \alpha = \frac{2}{5}$  thì  $\cos 2\alpha$  bằng:

- A.  $\frac{17}{25}$       B.  $\frac{21}{25}$       C.  $-\frac{17}{25}$       D.  $-\frac{21}{25}$

**Câu 9.** Cho tứ giác  $ABCD$ . Có thể xác định được bao nhiêu mặt phẳng chứa tất cả các đỉnh của tứ giác  $ABCD$ .

- A. 3.      B. 1.      C. 0.      D. 2.

**Câu 10.** Cho điểm  $A$  không thuộc đường thẳng  $d$ . Số mặt phẳng đi qua điểm  $A$  và đường thẳng  $d$  là:

- A. 1.      B. 2.      C. Vô số.      D. 0.

**Câu 11.** Khẳng định nào sau đây đúng? (Khi các biểu thức đều có nghĩa)

- A.  $\tan 2a = \frac{\tan a}{1 + \tan^2 a}$       B.  $\tan 2a = \frac{2 \tan a}{1 - \tan^2 a}$   
C.  $\tan 2a = \frac{2 \tan a}{1 + \tan^2 a}$       D.  $\tan 2a = \frac{\tan a}{1 - \tan^2 a}$

**Câu 12.** Nghiệm của phương trình  $\cos 5x = -1$  là:

- A.  $x = \frac{\pi}{5} + \frac{k2\pi}{5}, (k \in \mathbb{Z})$       B.  $x = \pi + k\pi, (k \in \mathbb{Z})$   
C.  $x = \frac{\pi}{5} + k2\pi, (k \in \mathbb{Z})$       D.  $x = \pi + k2\pi, (k \in \mathbb{Z})$

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho hàm số  $y = \sin x$ . Khi đó: Các mệnh đề sau đúng hay sai?

a) Tập giá trị của hàm số là  $[-1; 1]$ .

b) Tập xác định của hàm số là  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$ .

c) Hàm số nghịch biến trên khoảng  $\left( \frac{9\pi}{2}; \frac{11\pi}{2} \right)$ .

d) Dùng đồ thị hàm số  $y = \sin x$ , ta xác định được phương trình  $3\sin x - 1 = 0$  có hai nghiệm trong khoảng  $\left( \frac{-3\pi}{2}; \frac{3\pi}{2} \right)$ .

**Câu 2.** Cho tứ diện  $ABCD$ . Gọi  $G$  là trọng tâm tam giác  $ABD$ . Lấy điểm  $M$  nằm trên cạnh  $BD$  sao cho  $BM = 2MD$ .

a)  $(ABC) \cap (BDC) = BC$ .

b)  $(BCG) \cap (ACD) = CI$  với  $I$  là trung điểm  $AD$ .

c) Giao điểm của đường thẳng  $BD$  và  $(ACG)$  là điểm  $M$ .

d)  $A \in (BCD)$ .

**Câu 3.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  không là hình thang và  $AC$  cắt  $BD$  tại  $O$ . Gọi  $I, J$  lần lượt là trung điểm  $SO$  và  $OD$ . Lấy điểm  $M$  nằm trên cạnh  $SC$  sao cho  $SM = 2MC$ .

a) Hai đường thẳng  $SA$  và  $CD$  chéo nhau.

b) Giao tuyến  $(AIJ)$  và  $(SAD)$  là đường thẳng đi qua  $A$  và song song với  $SD$ .

c) Đường thẳng  $IJ$  cắt  $(SCD)$ .

d) Mặt phẳng  $(\alpha)$  đi qua  $M$  song song với  $SD$  cắt  $CD$  tại  $N$  thì  $\frac{CN}{CD} = \frac{1}{3}$ .

**Câu 4.** Mệnh đề sau đây đúng hay sai?

a) Với mọi số thực  $\alpha$  thỏa mãn  $\frac{\pi}{2} < \alpha < \pi$ . Khi đó:  $\cos \alpha > 0$ .

b) Cho góc  $\alpha$  thỏa mãn  $\sin \alpha = \frac{12}{13}$  và  $\frac{\pi}{2} < \alpha < \pi$ . Ta tính được  $\cos\left(\alpha + \frac{\pi}{3}\right) = -\frac{5+12\sqrt{3}}{26}$ .

c) Với mọi số thực  $\alpha$ , ta có  $\cos\left(\frac{9\pi}{2} + \alpha\right) = -\sin \alpha$ .

d) Cho góc  $\alpha$  thỏa mãn  $\tan \alpha = \frac{1}{3}$ . Ta tính được  $\cos 2\alpha = \frac{4}{5}$ .

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Phương trình lượng giác  $\sin 3x = \cos x$  có nghiệm dương nhỏ nhất có dạng  $x = \frac{a\pi}{b}$  (với  $a, b \in \mathbb{N}^*$

và  $\frac{a}{b}$  là phân số tối giản). Khi đó biểu thức  $P = a + b$  có giá trị bằng:

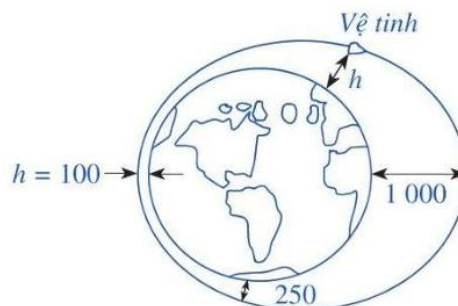
**Câu 2.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình chữ nhật tâm  $O$ ,  $M$  là trung điểm của  $OC$ . Mặt phẳng  $(\alpha)$  qua  $M$  song song với  $SA$  và  $BD$ . Gọi  $N = (\alpha) \cap SC$ , khi đó tỉ số  $\frac{CN}{CS}$  có giá trị bằng.

(kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

**Câu 3.** Một vệ tinh nhân tạo bay quanh Trái Đất theo một quỹ đạo là đường elip. Độ cao  $h$  (km) của vệ tinh so với bề mặt Trái Đất được xác định bởi công thức

$$h = 550 + 450 \cos\left(\frac{\pi}{50}t\right) \quad (\text{Nguồn: Đại số và giải tích II Nâng cao, NXBGD Việt Nam, 2021}),$$

trong đó  $t$  là thời gian tính bằng phút kể từ lúc vệ tinh bay vào quỹ đạo. Trong 12 giờ đầu tiên kể từ lúc vệ tinh bay vào quỹ đạo, vệ tinh đi qua vị trí cách mặt đất 1000km bao nhiêu lần?



Hình 33

**Câu 4.** Hai sóng âm có phương trình lần lượt là  $f_1(t) = C \sin \omega t$  và  $f_2(t) = C \sin(\omega t + \alpha)$ . Hai sóng này giao thoa với nhau tạo nên một âm kết hợp có phương trình

$$f(t) = f_1(t) + f_2(t) = C \sin \omega t + C \sin(\omega t + \alpha).$$

Khi  $C = 30, \alpha = \frac{\pi}{3}$  thì phương trình của sóng âm kết hợp là  $f(t) = k \sin(\omega t + \varphi)$ , trong đó  $k$  là biên độ

dao động,  $\varphi$  là pha ban đầu. Biên độ dao động của sóng âm kết hợp có dạng  $k = a\sqrt{b}$ . Tính giá trị biểu thức  $T = a^2 + b^2$ .

**Câu 5.** Phương trình  $\cos x = 1$  có bao nhiêu nghiệm thuộc  $\left[0; \frac{5\pi}{2}\right]$ ?

**Câu 6.** Một vệ tinh được định vị tại vị trí  $A$  trong không gian. Từ vị trí  $A$ , vệ tinh bắt đầu chuyển động quanh Trái Đất với quỹ đạo là một đường tròn với tâm là tâm  $O$  của Trái Đất, bán kính 9000 km. Biết rằng vệ tinh chuyển động hết một vòng của quỹ đạo trong 2 giờ. Vệ tinh chuyển động quãng đường 400000 km sau bao nhiêu giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

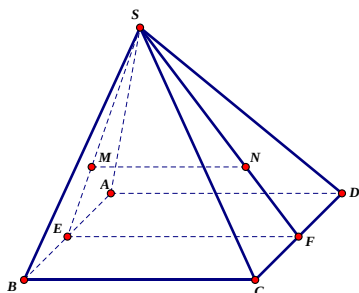
----- HẾT -----

(Đề thi có 03 trang)

Họ và tên: ..... Số báo danh: ..... Mã đề 209

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình chữ nhật. Gọi  $M, N$  theo thứ tự là trọng tâm  $\triangle SAB; \triangle SCD$ . Khi đó  $MN$  song song với mặt phẳng nào?



- A.  $(SAC)$ . B.  $(ABCD)$ . C.  $(SBD)$ . D.  $(SAB)$ .

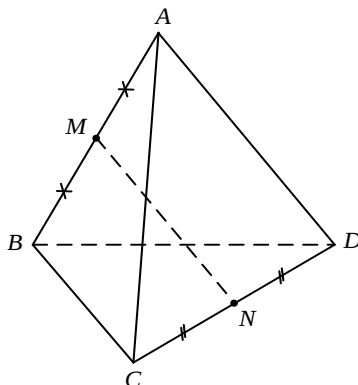
**Câu 2.** Tập xác định của hàm số  $y = \cot 3x$  là

- A.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ -\frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$  B.  $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$   
C.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$  D.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{k\pi}{3}, k \in \mathbb{Z} \right\}$

**Câu 3.** Nếu  $\sin \alpha = \frac{2}{5}$  thì  $\cos 2\alpha$  bằng:

- A.  $\frac{17}{25}$  B.  $-\frac{17}{25}$  C.  $\frac{21}{25}$  D.  $-\frac{21}{25}$

**Câu 4.** Cho tứ diện  $ABCD$ , gọi  $M$  và  $N$  lần lượt là trung điểm các cạnh  $AB$  và  $CD$ . Gọi  $G$  là trọng tâm tam giác  $BCD$ . Đường thẳng  $AG$  cắt đường thẳng nào trong các đường thẳng dưới đây?



- A. Đường thẳng  $CM$ . B. Đường thẳng  $CD$ .  
C. Đường thẳng  $DN$ . D. Đường thẳng  $MN$ .

**Câu 5.** Một hình chóp có đáy là ngũ giác có số mặt và số cạnh là:

- A. 6 mặt, 5 cạnh. B. 5 mặt, 10 cạnh. C. 6 mặt, 10 cạnh. D. 5 mặt, 5 cạnh. .

**Câu 6.** Nghiệm của phương trình  $\cos 5x = -1$  là:

- A.  $x = \pi + k\pi, (k \in \mathbb{Z})$  B.  $x = \frac{\pi}{5} + k2\pi, (k \in \mathbb{Z})$   
C.  $x = \frac{\pi}{5} + \frac{k2\pi}{5}, (k \in \mathbb{Z})$  D.  $x = \pi + k2\pi, (k \in \mathbb{Z})$

**Câu 7.** Hàm số nào sau đây là hàm số lẻ?

A.  $y = 4x^3 - 3x$

B.  $y = 4x^3 - 3x - 1$

C.  $y = 5x^3 + 2$

D.  $y = 5x^2 + 2x$

**Câu 8.** Khẳng định nào sau đây đúng? (Khi các biểu thức đều có nghĩa)

A.  $\tan 2a = \frac{2 \tan a}{1 - \tan^2 a}$

B.  $\tan 2a = \frac{\tan a}{1 - \tan^2 a}$

C.  $\tan 2a = \frac{\tan a}{1 + \tan^2 a}$

D.  $\tan 2a = \frac{2 \tan a}{1 + \tan^2 a}$

**Câu 9.** Trên đường tròn lượng giác lấy điểm M sao cho  $(OA, OM) = 50^\circ$ . Gọi M' đối xứng với M qua trục tung. Với  $k \in \mathbb{Z}$ , số đo của góc lượng giác  $(OA, OM')$  bằng:

A.  $230^\circ + k360^\circ$

B.  $50^\circ + k360^\circ$

C.  $130^\circ + k360^\circ$

D.  $-50^\circ + k360^\circ$

**Câu 10.** Cho tứ giác ABCD. Có thể xác định được bao nhiêu mặt phẳng chứa tất cả các đỉnh của tứ giác ABCD.

A. 3.

B. 1.

C. 2.

D. 0.

**Câu 11.** Cho  $\sin \alpha = \frac{1}{4}$  với  $\frac{\pi}{2} < \alpha < \pi$ . Khi đó  $\cos \alpha$  bằng:

A.  $\frac{\sqrt{15}}{4}$

B.  $\frac{\sqrt{3}}{2}$

C.  $-\frac{\sqrt{3}}{2}$

D.  $-\frac{\sqrt{15}}{4}$

**Câu 12.** Cho điểm A không thuộc đường thẳng d. Số mặt phẳng đi qua điểm A và đường thẳng d là:

A. 2.

B. Vô số.

C. 0.

D. 1.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho tứ diện ABCD. Gọi G là trọng tâm tam giác ABD. Lấy điểm M nằm trên cạnh BD sao cho  $BM = 2MD$ .

a)  $(BCG) \cap (ACD) = CI$  với I là trung điểm AD.

b)  $A \in (BCD)$ .

c) Giao điểm của đường thẳng BD và  $(ACG)$  là điểm M.

d)  $(ABC) \cap (BDC) = BC$ .

**Câu 2.** Cho hàm số  $y = \sin x$ . Khi đó: Các mệnh đề sau đúng hay sai?

a) Hàm số nghịch biến trên khoảng  $\left(\frac{9\pi}{2}; \frac{11\pi}{2}\right)$ .

b) Tập giá trị của hàm số là  $[-1; 1]$ .

c) Tập xác định của hàm số là  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{\frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z}\right\}$ .

d) Dùng đồ thị hàm số  $y = \sin x$ , ta xác định được phương trình  $3\sin x - 1 = 0$  có hai nghiệm trong khoảng  $\left(-\frac{3\pi}{2}; \frac{3\pi}{2}\right)$ .

**Câu 3.** Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD không là hình thang và AC cắt BD tại O. Gọi I, J lần lượt là trung điểm SO và OD. Lấy điểm M nằm trên cạnh SC sao cho  $SM = 2MC$ .

a) Mặt phẳng  $(\alpha)$  đi qua M song song với SD cắt CD tại N thì  $\frac{CN}{CD} = \frac{1}{3}$ .

b) Hai đường thẳng SA và CD chéo nhau.

c) Giao tuyến  $(AIJ)$  và  $(SAD)$  là đường thẳng đi qua A và song song với SD.

d) Đường thẳng IJ cắt  $(SCD)$ .

**Câu 4.** Mệnh đề sau đây đúng hay sai?

a) Với mọi số thực  $\alpha$ , ta có  $\cos\left(\frac{9\pi}{2} + \alpha\right) = -\sin \alpha$ .

b) Với mọi số thực  $\alpha$  thỏa mãn  $\frac{\pi}{2} < \alpha < \pi$ . Khi đó:  $\cos \alpha > 0$ .

c) Cho góc  $\alpha$  thỏa mãn  $\tan \alpha = \frac{1}{3}$ . Ta tính được  $\cos 2\alpha = \frac{4}{5}$ .

d) Cho góc  $\alpha$  thỏa mãn  $\sin \alpha = \frac{12}{13}$  và  $\frac{\pi}{2} < \alpha < \pi$ . Ta tính được  $\cos\left(\alpha + \frac{\pi}{3}\right) = -\frac{5+12\sqrt{3}}{26}$ .

**PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Phương trình  $\cos x = -1$  có bao nhiêu nghiệm thuộc  $\left[0; \frac{5\pi}{2}\right]$ ?

**Câu 2.** Hai sóng âm có phương trình lần lượt là  $f_1(t) = C \sin \omega t$  và  $f_2(t) = C \sin(\omega t + \alpha)$ . Hai sóng này giao thoa với nhau tạo nên một âm kết hợp có phương trình

$$f(t) = f_1(t) + f_2(t) = C \sin \omega t + C \sin(\omega t + \alpha).$$

Khi  $C = 20, \alpha = \frac{\pi}{3}$  thì phương trình của sóng âm kết hợp là  $f(t) = k \sin(\omega t + \varphi)$ , trong đó  $k$  là biên độ

dao động,  $\varphi$  là pha ban đầu. Biên độ dao động của sóng âm kết hợp có dạng  $k = a\sqrt{b}$ . Tính giá trị biểu thức  $T = a^2 + b^2$ .

**Câu 3.** Phương trình lượng giác  $\sin 3x = \cos x$  có nghiệm âm lớn nhất có dạng  $x = -\frac{a\pi}{b}$  (với  $a, b \in \mathbb{N}^*$  và

$\frac{a}{b}$  là phân số tối giản). Khi đó biểu thức  $P = a + b$  có giá trị bằng?

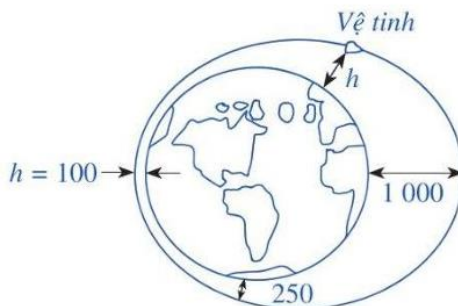
**Câu 4.** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình chữ nhật tâm  $O$ ,  $M$  là trung điểm của  $OC$ . Mặt phẳng  $(\alpha)$  qua  $M$  song song với  $SA$  và  $BD$ . Gọi  $N = (\alpha) \cap SC$ , khi đó tỉ số  $\frac{CS}{CN}$  có giá trị bằng.

**Câu 5.** Một vệ tinh được định vị tại vị trí  $A$  trong không gian. Từ vị trí  $A$ , vệ tinh bắt đầu chuyển động quanh Trái Đất với quỹ đạo là một đường tròn với tâm là tâm  $O$  của Trái Đất, bán kính 9000 km. Biết rằng vệ tinh chuyển động hết một vòng của quỹ đạo trong 2 giờ. Vệ tinh chuyển động quãng đường 300000 km sau bao nhiêu giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 6.** Một vệ tinh nhân tạo bay quanh Trái Đất theo một quỹ đạo là đường elip. Độ cao  $h$  (km) của vệ tinh so với bề mặt Trái Đất được xác định bởi công thức:

$$h = 550 + 450 \cos\left(\frac{\pi}{50} t\right) \quad (\text{Nguồn: Đại số và giải tích II Nâng cao, NXBGD Việt Nam, 2021}), \text{ trong đó } t \text{ là}$$

thời gian tính bằng phút kể từ lúc vệ tinh bay vào quỹ đạo. Trong 1 ngày đầu tiên kể từ lúc vệ tinh bay vào quỹ đạo, vệ tinh đi qua vị trí cách mặt đất 1000km bao nhiêu lần?



Hình 33

----- HẾT -----

| Đề/câu | 000  | 134  | 357  | 527  | 763  | 209 | 481 | 603 | 824 |
|--------|------|------|------|------|------|-----|-----|-----|-----|
| 1      | A    | B    | A    | A    | D    | B   | B   | D   | C   |
| 2      | A    | D    | A    | D    | D    | D   | D   | C   | C   |
| 3      | A    | B    | A    | A    | A    | A   | B   | B   | D   |
| 4      | A    | D    | B    | D    | D    | D   | B   | B   | C   |
| 5      | A    | A    | C    | A    | B    | C   | C   | D   | B   |
| 6      | A    | D    | D    | B    | A    | C   | A   | B   | C   |
| 7      | A    | C    | B    | B    | D    | A   | A   | C   | A   |
| 8      | A    | A    | D    | A    | B    | A   | C   | C   | A   |
| 9      | A    | B    | A    | D    | B    | C   | B   | D   | C   |
| 10     | A    | A    | B    | B    | D    | B   | B   | C   | C   |
| 11     | A    | B    | C    | D    | C    | D   | C   | B   | B   |
| 12     | A    | A    | C    | A    | A    | D   | D   | D   | D   |
| 1a     | S    | D    | D    | S    | S    | D   | D   | D   | S   |
| 1b     | D    | S    | D    | D    | S    | S   | S   | S   | D   |
| 1c     | D    | D    | S    | S    | D    | S   | D   | D   | D   |
| 1d     | D    | S    | D    | D    | D    | D   | S   | S   | D   |
| 2a     | S    | D    | D    | D    | D    | D   | D   | D   | S   |
| 2b     | D    | D    | D    | S    | S    | D   | D   | D   | S   |
| 2c     | D    | S    | D    | D    | D    | S   | S   | S   | D   |
| 2d     | S    | S    | S    | D    | D    | S   | D   | D   | D   |
| 3a     | S    | D    | D    | D    | D    | D   | D   | D   | S   |
| 3b     | D    | D    | S    | S    | D    | D   | D   | S   | S   |
| 3c     | D    | S    | D    | D    | D    | D   | S   | S   | D   |
| 3d     | S    | D    | S    | D    | S    | S   | D   | D   | D   |
| 4a     | D    | S    | D    | S    | D    | D   | S   | S   | S   |
| 4b     | S    | D    | S    | D    | S    | S   | D   | D   | D   |
| 4c     | D    | D    | S    | D    | S    | D   | D   | D   | D   |
| 4d     | D    | D    | D    | S    | D    | D   | S   | D   | D   |
| 1      | 14   | 9    | 14   | 2    | 8    | 1   | 409 | 409 | 15  |
| 2      | 909  | 0.25 | 2    | 909  | 0.25 | 409 | 15  | 15  | 1   |
| 3      | 2    | 8    | 9    | 14   | 9    | 11  | 11  | 4   | 4   |
| 4      | 9    | 909  | 909  | 8    | 14   | 4   | 1   | 11  | 409 |
| 5      | 8    | 2    | 0.25 | 9    | 2    | 11  | 4   | 11  | 11  |
| 6      | 0.25 | 14   | 8    | 0.25 | 909  | 15  | 11  | 1   | 11  |

Xem thêm: **ĐỀ THI GIỮA HK1 TOÁN 11**  
<https://toanmath.com/de-thi-giua-hk1-toan-11>